UBND PHƯỜNG HỒNG GAI
TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒNG GAI

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2025 – 2026

Hồng Gai, tháng 5 năm 2026

UBND PHƯỜNG HỒNG GAI
TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒNG GAI

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2025 – 2026

DANH SÁCH
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Nguyễn Thị Hương	Bí thư đảng bộ; Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Bà Phạm Thị Mai Phương	Phó Bí thư đảng bộ; Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	Bà Vũ Thu Hường	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng
4	Bà Nguyễn Thị Minh Lý	Tổ trưởng tổ Ngoại ngữ, Tin học	Thư ký (trưởng nhóm)
5	Lam Trần Hoàn	Bí thư Chi đoàn	Thành viên
6	Bà Lê Thị Mai	Tổ trưởng tổ 1	Thành viên
7	Bà Vũ Việt Nga	Tổ trưởng tổ 2	Thành viên
8	Bà Ngô Thị Thái	Tổ trưởng tổ 3	Thành viên
9	Bà Nguyễn Lê Hạnh	Tổ trưởng tổ 4	Thành viên
10	Bà Hoàng Thị Hồng Lan	Tổ trưởng tổ 5	Thành viên
11	Bà Trần Thị Ngân Hà	Giáo viên Tin	Thành viên
12	Bà Lê Thị Trang	Giáo viên	Thành viên
13	Bà Đặng Thu Thảo	Giáo viên	Thành viên
14	Bà Đoàn Thị Thanh	Nhân viên kế toán	Thành viên
15	Bà Nguyễn Thu Thùy	TPT Đội	Thành viên

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	8
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	8
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ	10
1. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học	10
Mở đầu	10
Tiêu chí 1.1	11
Tiêu chí 1.2	12
Tiêu chí 1.3	13
Tiêu chí 1.4	14
Tiêu chí 1.5	15
Tiêu chí 1.6	16
Tiêu chí 1.7	18
Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học	20
2. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	21
Mở đầu	21
Tiêu chí 2.1	21
Tiêu chí 2.2	22
Tiêu chí 2.3	23
Tiêu chí 2.4	26
Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	27
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	27
Phần IV. PHỤ LỤC	29

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí

Tiêu chí	Kết quả đạt			Ghi chú
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	
Nhóm tiêu chí				
Tiêu chí 1.1				Đạt
Tiêu chí 1.2				Đạt
Tiêu chí 1.3	x	x	x	
Tiêu chí 1.4	x	x	x	
Tiêu chí 1.5	x	x	x	
Tiêu chí 1.6	x	x	x	
Tiêu chí 1.7	x	x	x	
Nhóm tiêu chí				
Tiêu chí 2.1				Đạt
Tiêu chí 2.2				Đạt
Tiêu chí 2.3	x	x	x	
Tiêu chí 2.4	x	x	x	

Kết quả:

Tiêu chí	Tên tiêu chí	Điểm tự đánh giá	Mức độ đạt được
Nhóm tiêu chí 1	Chuyển đổi số trong dạy học	87 điểm	Mức độ 3 (Đáp ứng tốt)
Nhóm tiêu chí 2	Chuyển đổi số trong quản lý cơ sở giáo dục	94 điểm	Mức độ 3 (Đáp ứng tốt)

2. Kết luận: Đạt mức độ 3

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tỉnh **Tỉnh Quảng Ninh**

Xã / phường/thị trấn: **Phường Hồng Gai**

Điện thoại: 02033622600

Email: c1.halong.hl.quangninh @moet.edu.vn

Website: https://thhonggai.edu.vn/

Đạt mức độ chuyển đổi số: **Mức độ 3**

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

1.1. Học sinh

TT	Số liệu	Năm học 2025-2026	Ghi chú
1	**Tổng số học sinh**	**2165**	
	- Nữ	**1062**	
	- Dân tộc	**37**	
	- Khối lớp 1	473	
	- Khối lớp 2	423	
	- Khối lớp 3	427	
	- Khối lớp 4	391	
	- Khối lớp 5	451	
2	Các số liệu khác (học sinh khuyết tật)	8	

1.2. CB, GV, NV nhà trường

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Chưa đạt chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	01	0	
Phó hiệu trưởng	02	02	0	0	02	0	
Giáo viên	98	93	0	96	02	0	
Nhân viên	04	04	0	04	0	0	
Cộng	**105**	**100**	**0**	**100**	**05**	**0**	

Cuối năm, tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn trường: 116 người gồm: Cán bộ quản lý: 3; Tổng phụ trách: 01; Giáo viên: 97 (Biên chế: 87; hợp đồng phường: 10); Nhân viên: 15 (4 biên chế và 11 nhân viên hợp đồng trường: lao công: 6; bảo vệ: 5). Giáo viên dạy 2 buổi/ngày (32 tiết/tuần), Trình độ cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trở lên tỉ lệ 100%.

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

105/105 (đạt 100%) cán bộ, giáo viên, nhân viên có chứng chỉ Tin học văn phòng, ứng dụng tương đối thành thạo CNTT trong dạy học.

100% giáo viên nhà trường được tập huấn và có kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến, có kỹ năng khai thác, sử dụng, tạo học liệu số phục vụ bài dạy.

100% giáo viên được tập huấn và đã tự thiết kế bài giảng E-learning đóng góp vào kho học liệu điện tử của nhà trường.

100% cán bộ giáo viên, nhân viên có tài khoản học tập trên hệ thống LMS 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên có tài khoản và tham gia học tập khóa học kỹ năng số dành cho giáo viên và phụ huynh trên nền tảng One Touch do Bộ thông tin và truyền thông cung cấp.

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất đáp ứng các hoạt động giáo dục theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT; Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục Mầm non, Phổ thông; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

Tổng diện tích đất của nhà trường 7691 m^2 . Cơ sở 1: 4607 m^2/học sinh sinh đạt 2,98 m^2 /1học sinh; cơ sở 2: 3082 m^2 /1học sinh sinh đạt 4,97 m^2 /học sinh Khối phòng học: 84 phòng học/64 lớp, đảm bảo mỗi lớp 01 phòng học và đủ các phòng chức năng: Phòng dạy Tin học; phòng Âm nhạc; Phòng Mĩ thuật; phòng dạy ngoại ngữ; phòng Khoa học – Công nghệ; nhà đa năng; phòng dạy cho trẻ khuyết tật. Trong đó cơ sở 1: 54 phòng (48 phòng học và 6 phòng bộ môn); Cơ sở 2: 30 phòng (24 phòng học và 6 phòng bộ môn). Đảm bảo đủ mỗi lớp 1 phòng học dạy 2 buổi/ngày và 6 phòng bộ môn theo Thông tư số 23/2024/TT- BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ GD&ĐT. Khối phòng hành chính quản trị kiên cố: tổng số 05 phòng ban, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ các hoạt động trong nhà trường. - Nhà trường có đủ khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi thể dục thể thao; khối phòng hành chính quản trị; khối phục vụ sinh hoạt.

Thiết bị dạy học: Nhà trường đảm bảo đủ sách giáo khoa, sách giáo viên giảng dạy. Thiết bị công nghệ thông tin: nhà trường có 22 phòng học thông minh; các thiết bị máy tính, máy chiếu, thiết bị văn phòng phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học.

- Tại 2 cơ sở, hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) hiện được trang bị các bình PCCC đảm bảo theo quy định tại các khu nhà học. Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc; hệ thống mạng Internet phục vụ các hoạt động của trường đảm bảo phục vụ yêu cầu công việc.

Cơ sở vật chất về hạ tầng công nghệ thông tin:

TT	Phòng/thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Đường truyền Internet	2	
2	Phòng học thông minh, có kết nối Internet	22	
3	Phòng học có máy chiếu, có kết nối Internet	39	
4	Phòng học bộ môn có kết nối Internet	12	
5	Phòng họp trực tuyến	2	
6	Số máy tính phục vụ công việc các bộ phận trong nhà trường	9	
7	Số máy tính phục vụ công việc dạy và học	60	
8	Thư viện được kết nối Internet	2	

Phần II
TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Trường Tiểu học Hồng Gai được thành lập theo Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 của Ủy ban nhân dân phường Hồng Gai về việc sáp nhập Trường Tiểu học Hạ Long và Trường Tiểu học Hữu Nghị. Nhà trường có 02 cơ sở. Cơ sở 1 (Trường Tiểu học Hạ Long cũ) tại Tổ 44, khu phố Hồng Gai 4, phường Hồng Gai) và cơ sở 2 (Trường Tiểu học Hữu Nghị cũ) tại Tổ 8°, khu phố Yết Kiêu 5, địa chỉ cơ sở: Khu phố Yết Kiêu 5, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn trường: 116 người gồm: Cán bộ quản lý: 3; Tổng phụ trách: 01; Giáo viên: 97 (Biên chế: 87; hợp đồng phường: 10); Nhân viên: 15 (4 biên chế và 11 nhân viên hợp đồng trường: lao công: 6; bảo vệ: 5). Giáo viên dạy 2 buổi/ngày (32 tiết/tuần), Trình độ cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trở lên tỉ lệ 100%. Hàng năm, có 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; 12%-15% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Từ năm 2019 đến nay, có 05 cán bộ, giáo viên được Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh tặng Bằng khen; 05 cán bộ, giáo viên được tặng Giấy khen của Sở Giáo dục và Đào tạo; 10 cán bộ, giáo viên được tặng giấy khen của Ủy ban Nhân dân thành phố Hạ Long.

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, nhà trường tại hai cơ sở luôn nhận được sự quan tâm của lãnh đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và ngành giáo dục, sự giúp đỡ nhiệt thành của các tổ chức xã hội và đặc biệt là sự đồng hành, ủng hộ, đóng góp tích cực của cha mẹ học sinh, sự cống hiến bền bỉ và đầy tâm huyết của các thế hệ giáo viên, sự cố gắng, nỗ lực của học sinh. Đó chính là nguồn động viên to lớn, là động lực mạnh mẽ, thúc đẩy thầy và trò nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, xứng đáng với sự tin tưởng của nhân dân.

2. Mục đích tự đánh giá

Thực hiện tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo "Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên" được ban hành tại Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT), đánh giá ngoài và công nhận mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục.

Thực hiện tự đánh giá để có cái nhìn tổng thể về lộ trình chuyển đổi số của nhà trường, phát hiện ra những điểm mạnh và điểm yếu của nhà trường về công tác chuyển đổi số. Từ đó đề ra những biện pháp cải tiến để nhằm thúc đẩy chuyển đổi số của đơn vị.

Theo dõi và đánh giá khách quan, thực chất, công bằng kết quả đánh giá chuyển đổi số của đơn vị mình

Phát hiện những sáng kiến, điển hình trong quá trình thực hiện chuyển đổi sốtrong nhà trường để tuyên dương và nhân rộng.

Công tác tự đánh giá chuyển đổi số còn khẳng định uy tín và nâng cao vị thế của nhà trường với phụ huynh học sinh và nhân dân địa phương trong việc đáp ứng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số. Đồng thời, từ kết quả tự đánh giá của nhà trường sẽ có những định hướng chuẩn mực cho sự phát triển đi lên của nhà trường trong các giai đoạn cụ thể tiếp theo.

Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã thực hiện đảm bảo quy trình, phương pháp và công cụ tự đánh giá của cơ sở giáo dục phổ thông.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thực hiện đảm bảo quy trình phương pháp và công cụ tự đánh giá theo hướng dẫn tại công văn số 873/SGDĐT ngày 21/3/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh V/v hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý minh chứng theo bộ chỉ số đánh giá, tự đánh giá và đánh giá ngoài, công nhận mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

** Về quy trình tự đánh giá:*

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

3. Thu thập, xử lí và phân tích các thông tin, minh chứng.

4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

5. Viết báo cáo tự đánh giá.

6. Công bố báo cáo tự đánh giá

7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

** Về phương pháp tự đánh giá:*

Phương pháp nghiên cứu lý luận: nghiên cứu các văn bản chỉ đạo của ngành giáo dục và đào tạo, của tỉnh và địa phương về công tác chuyển đổi số và tiêu chuẩn đánh giá chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Phương pháp giảng giải, thuyết trình: giảng giải, thuyết trình các nội dung trong quá trình tự đánh giá.

Phương pháp điều tra, khảo sát, phỏng vấn những người có liên quan. Phương pháp thảo luận: trao đổi, bàn bạc các nội dung tự đánh giá.

Phương pháp thống kê toán học: thống kê các số liệu về các nội dung phục vụcho công tác tự đánh giá.

Phương pháp phân tích: tiến hành xử lí các thông tin, minh chứng xác định nguồn gốc, tính chính xác của các thông tin minh chứng.

Phương pháp tự luận: viết báo cáo tự đánh giá.

** Về công cụ đánh giá*

Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dụcvà Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Công văn 3571/SGDĐT-VP ngày 08 tháng 12 năm 2023 về hướng dẫn triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục theo Quyết đinh số 4725/QĐ-BGDĐT.

Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc banhành quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong các cơ sở phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

Danh sách mô tả các nội hàm và gợi ý tìm minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá.

* Những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG:

Thực hiện quá trình tự đánh giá, nhà trường đã hoàn thành việc so sánh đối chiếu những kết quả đã đạt được của nhà trường với những yêu cầu trong Bộ chỉ sốđánh giá mức độ chuyển đổi số. Toàn bộ đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường đã hoàn thành bản báo cáo tự đánh giá.

Thông qua quá trình tự đánh giá, đối chiếu với các tiêu chuẩn đề ra, những mặt mạnh nổi bật và những mặt còn hạn chế của nhà trường đã bộc lộ một cách rõ ràng. Từ đó, nhà trường đã xây dựng được biện pháp cải tiến chất lượng cho từng nội dung hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

1. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học

Mở đầu:

Chuyển đổi số trong dạy và học là một bước phát triển tất yếu nhằm thích ứng với xu thế giáo dục hiện đại, đồng thời tận dụng tối đa tiềm năng của công nghệ số trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trường Tiểu học Hồng Gai xác định chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, mang tính chiến lược lâu dài. Việc đưa công nghệ vào trong giảng dạy không chỉ giúp đổi mới phương pháp, tạo ra môi trường học tập tương tác, sinh động, mà còn

góp phần xây dựng một nền giáo dục linh hoạt, cá thể hóa và phù hợp với nhu cầu của học sinh trong thời đại số.

Công nghệ số mang đến các công cụ mạnh mẽ giúp giáo viên thiết kế và tổ chức bài giảng hiệu quả hơn, từ việc tạo ra tài liệu học tập phong phú đến ứng dụng các phần mềm dạy học tương tác. Học sinh có thể tiếp cận kho tài nguyên học tập đa dạng như video, bài giảng trực tuyến, ứng dụng học tập… góp phần làm phong phú trải nghiệm học tập và phát triển toàn diện năng lực cá nhân. Chuyển đổi số trong dạy học chính là một bước quan trọng để tận dụng tối đa tiềm năng của công nghệ trong việc giảng dạy và học tập.

1.1. Tiêu chí 1.1: Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến

1.1.1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của ngành giáo dục và đào tạo, nhà trường đã xây dựng Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến số 188/KH-TrTH ngày 10/11/2025 của nhà trường trong đó thể hiện rõ các căn cứ pháp lý, mục đích, yêu cầu, các hình thức dạy học, tổ chức kiểm tra đánh giá dạy học trực tuyến và phân công nhiệm vụ cụ thể. Nội dung kế hoạch dạy học trực tuyến đảm bảo các nội dung của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT **[1.1.01]**.

Nhà trường xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026 số 199/KH-TrTH ngày 15/11/2025 **[1.1.02]** và kế hoạch số 18/KH-TrTH ngày 12/1/2026 về chuyển đổi số toàn diện năm 2026 **[1.1.03]**. Các kế hoạch triển khai các nhiệm vụ:

Triển khai đồng bộ, hiệu quả nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục theo định hướng của Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh Quảng Ninh và Sở GD&ĐT Quảng Ninh; lấy chuyển đổi số làm động lực đổi mới quản trị nhà trường, nâng cao chất lượng giáo dục.

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong các hoạt động quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá, xây dựng môi trường giáo dục số an toàn, hiện đại, thích ứng với xu hướng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục.

Tăng cường khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, học bạ số, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt; từng bước hình thành hệ sinh thái giáo dục số đồng bộ trong nhà trường.

Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; triển khai hiệu quả phong trào "Bình dân học vụ số", giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI) cấp tiểu học.

1.1.2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến cụ thể, chi tiết gắn liền với kế hoạch giáo dục, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch chuyển đổi số, xác định được các nội dung cần thực hiện.

1.1.3. Điểm yếu

Kế hoạch chưa gắn kết chặt chẽ với các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp hoặc các môn năng khiếu, nên chưa khai thác tối đa lợi ích toàn diện của học trực tuyến.

1.1.4. Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2026-2027, cán bộ quản lý khi xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến cần gắn kết chặt chẽ với các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp hình thức tổ chức với các môn năng khiếu nhằm đảm bảo tính toàn diện trong phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, không chỉ dừng lại ở các môn văn hóa chính khóa mà còn mở rộng sang các lĩnh vực như mỹ thuật, âm nhạc, kỹ năng sống, giáo dục thể chất..

1.1.5. Tự đánh giá: Đạt

1.2. Tiêu chí 1.2: Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học; Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên và Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2025 - 2026 kèm theo Quyết định số 55/QĐ-TrTH ngày 13/11/2025 **[1.2.01]**.

Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến quy định cụ thể các nội dung: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Nguyên tắc tổ chức dạy học trực tuyến; Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến (trực tuyến đồng thời/không đồng thời); điều kiện đảm bảo dạy học trực tuyến; Tổ chức và quản lý dạy học trực tuyến; Quyền và nhiệm vụ của các tập thể và cá nhân.

1.2.2. Điểm mạnh

Quy chế quy định cụ thể, chi tiết về hoạt động dạy học trực tuyến: Thống nhất về phần mềm dạy học trực tuyến chính (phần mềm OLM); Quy định về cách thức kiểm tra, đánh giá học sinh trong dạy học trực tuyến; Thống nhất về học liệu dạy học trực tuyến; Thống nhất cách quản lý và lưu trữ hồ sơ dạy học trực tuyến; Quy định trách nhiệm của từng tập thể và cá nhân có liên quan trong việc thực hiện dạy học trực tuyến đầy đủ, rõ ràng giúp giáo viên thuận tiện trong xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học.

1.2.3. Điểm yếu: Không

1.2.4. Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2026-2027, nhà trường bám sát các hướng dẫn tại Thông tư 09/2021/TT-BGD&ĐT và các thay đổi về hạ tầng công nghệ, kỹ thuật dạy học trực tuyến, phần mềm dạy học trực tuyến nhà trường sử dụng để điều chỉnh các nội dung

của Quy chế phù hợp với nhà trường và điều kiện cha mẹ học sinh giúp cho công tác tổ chức và quản lí dạy học, đánh giá kết quả học tập trực tuyến hiệu quả.

1.2.5. Tự đánh giá: Đạt

1.3. Tiêu chí 1.3: Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến

- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp

- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS)

+ Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:

(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học;

(2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;

(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;

(4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.

1.3.1. Mô tả hiện trạng

Phần mềm dạy học và quản lý học tập trực tuyến (LMS): Phần mềm OLM tại trang https://thhuunghiqn.olm.vn/ và https://thhalongqn.olm.vn/ có nhúng Google Meet; Zoom meeting để dạy học trực tuyến trực tiếp được sử dụng thống nhất trong toàn trường. Các phần mềm thiết kế bài tập kiểm tra đánh giá, trò chơi bằng các phần mềm Plickers, Quizizz, Kahoot, Beeclass… được sử dụng kết hợp trong dạy học trực tuyến **[1.3.01];[1.3.02]**; **[1.3.03]**.

Bằng phần mềm dạy học trực tuyến OLM, các phần mềm kết hợp và hệ thống zalo nhóm lớp, zalo cá nhân, các giáo viên giao bài cho học sinh tự học **[1.3.04]**, trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh **[1.3.06]**; tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên **[1.3.05]**. Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh, trao đổi với giáo viên về các bài tập/nhiệm vụ giáo viên giao cho học sinh **[1.3.07]**. Tuy nhiên, khi giáo viên giao bài cho học sinh trên OLM, học sinh và cha mẹ học sinh lựa chọn hình thức trao đổi với giáo viên qua zalo bởi tính thông dụng, tiện lợi, có thể làm ngay trên điện thoại thay vì trao đổi trên phần mềm dạy học trực tuyến OLM.

1.3.2. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai phần mềm dạy học trực tuyến và quản lý dạy học trực tuyến phù hợp với các đối tượng giáo viên, học sinh, dễ sử dụng. Phần mềm có triển khai đầy đủ các chức năng: giáo viên giao bài cho học sinh tự học; giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.

1.3.3. Điểm yếu

Phần mềm dạy học trực tuyến chưa có tính năng nổi trội tiện ích hơn mạng xã hội Zalo trong việc giúp học sinh và cha mẹ học sinh trao đổi với giáo viên hoặc giáo viên giải đáp câu hỏi của học sinh và cha mẹ học sinh.

1.3.4. Kế hoạch cải tiến

Năm học 2026-2027, nhà trường tiếp tục tuyên truyền đến giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh về nâng cao hiệu quả giao tiếp, tương tác hai chiều giữa giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh thông qua nền tảng dạy học trực tuyến, từng bước hạn chế phụ thuộc vào các nền tảng mạng xã hội không chuyên biệt như Zalo.

Đề xuất với bên cung cấp phần mềm cải tiến để có tính năng tương tác mạnh hơn việc nhắn tin, trao đổi bài, giao bài, phản hồi câu hỏi phù hợp với đặc thù tiểu học và dễ sử dụng đối với phụ huynh, học sinh.

1.3.5. Tự đánh giá

STT	Chỉ số	Điểm tối đa	Tự đánhgiá
1.3	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến, trực tiếp	6	6
	- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua).	**24**	**18**
	(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học	6	6
	(2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh	6	4
	(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên	6	4
	(4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh	6	4
	Tổng điểm 24 Đạt: Mức độ 3	**30**	**24**

1.4. Tiêu chí 1.4: Số lượng học liệu được số hóa

Số lượng học liệu được số hóa được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt theo quy định tại Điều 7, Thông tư 09.

14.1. Mô tả hiện trạng

Học liệu dạy học trực tuyến của nhà trường được xây dựng theo chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm: bài giảng đa phương tiện; video có điểm dừng; video hướng dẫn thí nghiệm, thực hành; hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập và kiểm tra, đánh giá; tài liệu tham khảo, bổ trợ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo **[1.4.01]**; **[1.4.02]**.

Giáo viên nhà trường đã chủ động sử dụng và xây dựng các học liệu dạy học trực tuyến phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc **[1.4.01]**; **[1.4.02]**; **[1.4.03]**.

Các học liệu điện tử được Tổ chuyên môn thẩm định và có Quyết định phê duyệt học liệu trực tuyến của Hiệu trưởng. Nhà trường đã phê duyệt 136 học liệu số trong năm học (Đợt 1: 81 học liệu, đợt 2: 55 học liệu) **[1.4.02]**.

1.4.2. Điểm mạnh

Số lượng học liệu dạy học trực tuyến được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt theo quy định tại Điều 7, Thông tư 09.

1.4.3. Điểm yếu

Số lượng học liệu được số hóa đã đảm bảo về số lượng, tuy nhiên chưa có nhiều học liệu là bài giảng e-learning.

1.4.4. Kế hoạch cải tiến

Năm học 2026-2027, nhà trường tiếp tục tập huấn nâng cao năng lực soạn giảng e-learning cho giáo viên, đặt chỉ tiêu mỗi giáo viên xây dựng tối thiểu 5 bài giảng e-learning trong năm học.

1.4.5. Tự đánh giá

Chỉ số	**Điểm số tối đa**	**Tự đánh giá**
Học liệu dạy học trực tuyến	10 điểm	9 điểm
Tổng điểm: 9 điểm Đạt: Mức độ 3		

1.5. Tiêu chí 1.5

- Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)

- Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường

1.5.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có 2 phòng học tin với 37 máy bàn và 23 laptop, đáp ứng 01 học sinh 01 máy tại cơ sở 1, tối đa 02/máy tại cơ sở 2 **[1.5.01].** Nhà trường triển khai thi trên phần mềm OLM, có máy tính kết nối mạng Lan. Nhà trường có lưu trữ hồ sơ thực tế trên hệ thống phần mềm triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh. Các dữ liệu, kết quả học tập của HS được đảm bảo an toàn, an ninh mạng và quy chế thi **[1.5-02]; [1.5-03].** Phòng Tin học sử dụng mạng LAN giúp giáo viên quản lý và kiểm soát lớp học trên máy tính, đồng thời hỗ trợ việc tương

tác giữa giáo viên và học sinh trong quá trình giảng dạy, phục vụ cho việc tổ chức thi, kiểm tra môn Tin học và các cuộc thi trực tuyến **[1.5.02]**; **[1.5.03]**.

Nhà trường đã tổ chức các cuộc thi trực tuyến cho học sinh (Tiếng Anh trên mạng Internet IOE, Trạng nguyên Tiếng Việt, Vioedu) sử dụng các phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường tại phòng Tin học **[1.5.04]**; **[1.5.05]**;**[1.5.06]**.

Ngoài ra có sử dụng phần mềm do giáo viên nhà trường tự viết để tổ chức các cuộc thi, các hoạt động giáo dục ngoại khóa của nhà trường tại link https://thhonggai.edu.vn/thionline **[1.5.04]**.

Ngoài môn Tin học và các cuộc thi IOE, Trạng nguyên Tiếng Việt, đấu trường Vioedu, nhà trường tổ chức kiểm tra đánh giá thường xuyên học sinh các môn học và hoạt động giáo dục khác trên máy tính thông qua phần mềm dạy học trực tuyến OLM **[1.3.05]**.

1.5.2. Điểm mạnh

Nhà trường có phòng học Tin học với đầy đủ máy tính phục vụ học sinh học và kiểm tra trực tuyến. Đã tổ chức kiểm tra môn Tin học và một số cuộc thi trực tuyến bằng phần mềm có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị. Đặc biệt có phần mềm do giáo viên nhà trường tự viết để tổ chức các cuộc thi, các hoạt động giáo dục ngoại khóa.

1.5.3. Điểm yếu

Các môn học khác ngoài môn Tin học thực hiện kiểm tra đánh giá trên phòng máy chưa nhiều.

1.5.4. Kế hoạch cải tiến

Năm học 2026-2027, nhà trường triển khai kế hoạch đưa nội dung kiểm tra trên phòng máy qua phần mềm LMS với các môn học khác như Lịch sử -Đại lý, Công nghê...

1.5.5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm tối đa	Điểm thành phần
Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quảhọc tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN.	15	13
Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường.	5	5
Tổng điểm: 18	**Đạt: Mức độ 3**	

1.6. Tiêu chí 1.6

- Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số:

+ Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu

- Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học

- Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử

1.6.1. Mô tả hiện trạng

1.6.1.1. Triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên

Nhà trường có 100% cán bộ, giáo viên có tài khoản tham gia bồi dưỡng trực tuyến trên Hệ thống bồi dưỡng thường xuyên trực tuyến dành cho giáo viên phổ thông và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông *https://taphuanquangninh.lms.vnedu.vn* **[1.6.01]**.

1.6.1.2. Triển khai việc khai thác các phần mềm, công cụ dạy học nhằm đổi mới phương pháp dạy học.

100% giáo viên nhà trường có tài khoản dạy học trực tuyến OLM, khai thác các phần mềm sách mềm, hành trang số, hoc10.vn... và các công cụ, đồ dùng dạy học nhằm đổi mới phương pháp dạy học **[1.3.03]**.

1.6.1.3. Triển khai xây dụng học liệu số

Nhà trường có triển khai kế hoạch giáo viên xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử theo quy định cho các lớp học được phân công giảng dạy. 100% giáo viên tham gia xây dựng học liệu số cung cấp cho kho học liệu điện tử của nhà trường **[1.4.01]**.Trong năm học , nhà trường đã phê duyệt 136 học liệu số trong năm học (Đợt 1: 81 học liệu, đợt 2: 55 học liệu) **[1.4.02]**.

Tuy nhiên, số giáo viên thành thạo xây dựng bài giảng e-learning chưa nhiều. Giáo viên còn mất nhiều thời gian để xây dựng được một bài giảng e-learning.

1.6.2. Điểm mạnh

Giáo viên có tài khoản và khai thác hiệu quả hoạt động học tập, bồi dưỡng trực tuyến. Số lượng giáo viên có thu thập, sử dụng học liệu số trong các bài học và trình chiếu trong các bài dạy.

1.6.3. Điểm yếu

Kỹ năng xây dựng bài giảng e-learning của giáo viên chưa tốt. Giáo viên tham gia xây dựng được học liệu, bài giảng điện tử nhưng một số video chất lượng đầu tư chưa sâu.

1.6.4. Kế hoạch cải tiến

Năm học 2026-2027, nhà trường tiếp tục tổ chức tập huấn cho giáo viên kỹ năng sử dụng và xây dựng học liệu số, bài giảng e-learning . Xây dựng các chuyên đề học tập và các tiêu chí thi đua tạo động lực cho giáo viên khai thác các tài khoản học tập bồi dưỡng trực tuyến. Xây dựng KH, giao nhiệm vụ và chỉ tiêu cụ thể cho tổ chuyên môn và từng cá nhân giáo viên trong việc xây dựng kho học liệu số. Mỗi giáo viên cần cam kết việc khai thác triệt để đồ dùng, thiết bị CNTT vào trong giảng dạy hiệu quả.

1.6.5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm tối đa	Điểm thành phần
a. Giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.	7	7
b. Giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	7	5
c. Giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử.	6	5
Tổng điểm: 17 Đạt: Mức độ 3		

1.7. Tiêu chí 1.7

- Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học:

+ Tỉ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học

- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học.

- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)

1.7.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có 22 phòng học thông minh (đạt 34%), 100% các phòng học còn lại có máy chiếu, 02 phòng họp trực tuyến. Mỗi phòng học thông minh được trang bị các thiết bị hiện đại như: máy tính xách tay, bảng trượt, màn hình tương tác, loa, mic không dây, mic cài, camera hội nghị và camera giám sát. Các phòng dạy học, phòng làm việc đều được kết nối mạng Internet **[1.7.01]**; **[1.7.02]**; **[1.7.05]**. Tuy nhiên, một số thiết bị phòng học thông minh sau hơn 5 năm sử dụng

hiện nay đã hỏng hóc, nhà trường không thể sửa chữa do kinh phí lớn.

Căn cứ vào thực trạng tình hình thiết bị - đồ dùng dạy học, nhà trường xây ban hành quy chế ban hành quy chế quản lý, sử dụng thiết bị giáo dục trong nhà trường **[1.7.03]**.

Nhà trường có phòng Tin học với 37 máy tính bàn và 24 laptop để tổ chức dạy môn Tin học, đáp ứng 01 học sinh 01 máy tại cơ sở 1, tối đa 02/máy tại cơ sở 2 **[1.5.01].**

Nhà trường đã hợp đồng và cung cấp sử dụng dịch vụ viễn thông truyền hình với trung tâm kinh doanh VNPT - Quảng Ninh lắp đặt mạng với tốc độ đường truyền cao đảm bảo 100% các phòng học có kết nối Internet phục vụ cho dạy- học **[1.7.04]**.

Nhà trường bố trí 01phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử) sử dụng trong việc đáp ứng quy trình sản xuất, xây dựng được học liệu giảng dạy, học liệu số **[1.7.05]**.

Nhà trường xây dựng Nhà trường xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026 số 199/KH-TrTH ngày 15/11/2025 và kế hoạch số 18/KH-TrTH ngày 12/1/2026 về chuyển đổi số toàn diện năm 2026 có nội dung về an ninh mạng **[1.1.02]**; **[1.1.03].** Tuy nhiên, phương án bảo mật dữ liệu, an ninh mạng chưa đầy đủ, cụ thể.

1.7.2. Điểm mạnh

Nhà trường trang bị thiết bị phục vụ dạy học cơ bản đáp ứng theo hướng chuyển đổi số và tổ chức quản lí sử dụng đảm bảo theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo về thiết bị đồ dùng dạy học và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học 01 máy/học sinh. Có phòng studio phục vụ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử.

1.7.3. Điểm yếu

Một số thiết bị phòng học thông minh, máy tính phòng tin học hiện nay đã hỏng hóc. Phương án bảo mật dữ liệu, an ninh mạng cần trang bị đầy đủ hơn.

1.7.4. Kế hoạch cải tiến

Năm học 2026-2027, nhà trường tiếp tục tham mưu với cấp trên kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời các thiết bị dạy học thông minh để đảm bảo việc dạy học của giáo viên. Bảo dưỡng định kì đối với các thiết bị của phòng học thông minh. Xây dựng phương án bảo mật dữ liệu, an ninh mạng tối ưu hơn.

1.7.5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm tối đa	Điểm thành phần
a. Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: Tỉ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	8	8
b. Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học	7	6
c. Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)	5	5
Tổng điểm: 19 Đạt: Mức độ 3		

*** Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học**

Nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến cụ thể, chi tiết gắn liền với kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch chuyển đổi số, xác định được các nội dung cần thực hiện.

Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến, quy chế dạy học trực tuyến đầy đủ, rõ ràng giúp giáo viên thuận tiện trong xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học.

Nhà trường đã triển khai phần mềm dạy học trực tuyến và quản lý dạy học trực tuyến. Các phần mềm trực tuyến phù hợp với các đối tượng giáo viên, học sinh, dễ sử dụng.

Số lượng học liệu dạy học trực tuyến được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt theo quy định tại Điều 7, Thông tư 09. Số lượng học liệu được số hóa đã đảm bảo về số lượng, tuy nhiên chưa có nhiều học liệu là bài giảng e-learning.

Nhà trường có phòng học Tin học với đầy đủ máy tính phục vụ học sinh học và kiểm tra trực tuyến. Đã tổ chức kiểm tra môn Tin học và một số cuộc thi trực tuyến, các hoạt động ngoại khoá bằng phần mềm có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị. Đặc biệt có phần mềm do chính giáo viên nhà trường viết ra, sử dụng hiệu quả.

Giáo viên có tài khoản và khai thác hiệu quả hoạt động học tập, bồi dưỡng trực tuyến. Số lượng giáo viên có thu thập, sử dụng học liệu số trong các bài học và trình chiếu trong các bài dạy.

Nhà trường trang bị thiết bị phục vụ dạy học cơ bản đáp ứng theo hướng chuyển đổi số và tổ chức quản lí sử dụng đảm bảo theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo về thiết bị đồ dùng dạy học và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Tuy nhiên, một số thiết bị phòng học thông minh, máy tính phòng tin học hiện nay đã hỏng hóc. Phương án bảo mật dữ liệu, an ninh mạng cần trang bị

đầy đủ hơn.

Đánh giá chung: Đạt mức độ 3 (87/100 điểm)

2. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

Mở đầu

Chuyển đổi số trong quản trị nhà trường là một bước quan trọng để tận dụng tối đa tiềm năng của công nghệ trong việc quản lý và cải thiện hoạt động hàng ngày. Chuyển đổi số trong quản lý thông tin học sinh và cán bộ, giáo viên, học sinh. Sử dụng phần mềm quản lý thông tin học sinh và nhân viên để tự động hóa việc lưu trữ thông tin cá nhân, hồ sơ học tập, và lịch trình. Điều này giúp giảm thiểu công việc thủ công, tối ưu hóa quy trình làm việc, và đảm bảo tính chính xác, giảm thiểu các thủ tục hành chính. Chuyển đổi số trong quản trị trường học, tích hợp hệ thống tài chính và kế toán, quản lí cơ sở vật, trang thiết bị dạy học. Chuyển đổi số cho phép nhà trường quản lý tài chính, thu chi, và kế toán một cách hiệu quả. Sử dụng phần mềm tài chính để theo dõi nguồn thu, chi tiêu, và tạo báo cáo tự động, thực hiện thanh toán, giao dịch không dung tiền mặt. Chuyển đổi số trong quản trị trường học giúp tạo được môi trường học tập trực tuyến, phát triển nền tảng học trực tuyến cho học sinh và giáo viên, ung cấp tài liệu, bài giảng, và bài tập trực tuyến để học sinh có thể học tập từ xa, giúp học sinh tìm tài liệu bộ trợ và được tìm đọc sách báo truyện trực tuyến trên phần mềm quản lí thư viện do giáo viên nhà trường tự viết. Điều này tạo ra môi trường học tập linh hoạt và tiện ích và giúp nhà trường có công cụ đo lường đánh giá và quản lý chất lượng giáo dục học sinh. Chuyển đổi số trong quản trị nhà trường còn giúp quản lý sự tham gia của cha mẹ học sinh, Nhà trường sử dụng ứng dụng hoặc trang website để thông báo cho cha mẹ về thời khóa biểu, kết quả học tập và các thông báo quan trọng khác. Sử dụng công nghệ đê thu thập thông tin, xin ý kiến của cha mẹ học sinh, tạo cơ hội cho cha mẹ học sinh tham gia vào quá trình giáo dục của con em mình một cách thuận lợi và hiệu quả cao. Để thực hiện tốt chuyển đổi số trong quản trị nhà trường, nhà trường cần phải xây dựng được hành lang pháp lý trong việc thực hiện đảm bảo an ninh thông tin, bảo vệ thông tin cá nhân của học sinh, giáo viên và nhân viên trường học, áp dụng biện pháp bảo mật để ngăn chặn việc truy cập trái phép và đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu.

Chuyển đổi số trong công tác quản trị nhà trường, không chỉ là việc áp dụng công nghệ, mà còn là việc thay đổi tư duy và phương pháp quản lý. Hy vọng rằng việc thực hiện chuyển đổi số sẽ tạo ra môi trường học tập hiệu quả, xây dựng được văn hóa nhà trường và phát triển bền vững cho học sinh và cộng đồng trường học.

2.1. Tiêu chí 2.1: Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số

2.1.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành Quyết định số 51/QĐ-Tr.TH ngày 13/11/2025 về việc thành lập Ban chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm

học 2025-2026 trong đó có họ tên, chức vụ, email, điện thoại và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Ban chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số nhà trường có nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng và tổ chức thực hiện các nội dung về công tác quản lý, khai thác hệ thống phần mềm, thiết bị phòng học thông minh, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong nhà trường trong năm học 2025-2026 đảm bảo hiệu quả, đúng quy định **[2.1.01]**.

2.1.2. Điểm mạnh

Lãnh đạo nhà trường là người luôn đi đầu trong việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản trị nhà trường, luôn tạo điều kiện khích lệ giáo viên, nhân viên mạnh dạn ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giảng dạy. Các thành viên trong ban chỉ đạo luôn năng động sáng tạo, tiếp cận với nền tảng mới, có thành viên có khả năng viết phần mềm hỗ trợ giáo dục như phần mềm quản lý thư viện, phần mềm tổ chức các cuộc thi phục vụ hoạt động ngoại khóa của nhà trường.

2.1.3. Điểm yếu

Các thành viên Ban chỉ đạo kiêm nhiệm nhiều công việc do đội ngũ nhà trường số lượng mỏng nên còn có một số hạn chế về thời gian khi triển khai công việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

2.1.4. Kế hoạch cải tiến

Năm học 2026-2027, nhà trường xắp xếp bố trí phân công công việc, tạo điều kiện về thời gian để các thành viên trong Ban chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số được đào tạo thông qua các khóa học, buổi hội thảo, hoặc hỗ trợ cá nhân để nắm vững kiến thức và kỹ năng cần thiết. Tạo ra môi trường hợp tác giữa các thành viên trong ban chỉ đạo để có thể học hỏi lẫn nhau và chia sẻ kiến thức.

2.1.5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.2: Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số

2.2.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026 số 199/KH-TrTH ngày 15/11/2025 và kế hoạch số 18/KH-TrTH ngày 12/1/2026 về chuyển đổi số toàn diện năm 2026 có nội dung về an ninh mạng **[1.1.02]**; **[1.1.03]**. Nội dung kế hoạch có các nội dung chính: Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; tổ chức triển khai có hiệu quả các nội dung theo kế hoạch; hướng dẫn, tập huấn cho giáo viên về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý; xây dựng hệ thống thiết bị, cơ sở dữ liệu dùng chung của nhà trường; Quản lý, vận hành các hệ thống, phần mềm dùng chung của nhà trường; hỗ trợ kỹ thuật về công nghệ thông tin cho cán bộ, giáo viên nhà trường; Tổng hợp, báo cáo tiến độ triển khai các nhiệm vụ về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT, chuyển đổi số **[1.1.02]**;

Hoàn thiện thể chế và nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; phát triển hạ tầng số và cơ sở dữ liệu giáo dục; số hóa hồ sơ, học bạ và đẩy mạnh quản trị số; ứng dụng AI và các nền tảng số trong dạy học, quản lý; nâng cao năng lực số cho cán bộ, giáo viên, học sinh và phụ huynh; bảo đảm an toàn thông tin mạng; tăng cường truyền thông, huy động nguồn lực và triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" trong toàn trường **[1.1.03]**.

2.2.2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành kịp thời kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Nội dung kế hoạch đầy đủ phù hợp cho tổ chức triển khai thực hiện tại các tổ, nhóm chuyên môn.

2.3.3. Điểm yếu

Các đồng chí cán bộ, giáo viên nhân viên được phân công nhiệm vụ công nghệ thông tin, làm đầu mối triển khai công nghệ thông tin và công tác thống kê giáo dục còn kiêm nhiệm thêm nhiều nhiệm vụ khác của nhà trường nên ảnh hưởng đến công tác triển khai nhiệm vụ công nghệ thông tin và công tác thống kê giáo dục. Mặc dù đội ngũ tham gia trong Ban chỉ đạo công nghệ thông tin của nhà trường có kiến thức, kĩ năng tuy nhiên đa số dừng lại ở yêu cầu đáp ứng yêu cầu ở mức cơ bản về công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động giảng dạy và quản lý, số ít có chuyên môn sâu. Do vậy, để có thể đáp ứng tốt yêu cầu chuyển đổi số cần có thêm thời gian.

2.3.4. Kế hoạch cải tiến

Năm học 2026–2027, thực hiện phân công nhiệm vụ cho các đòng chí phụ trách công nghệ thông tin, làm đầu mối triển khai công nghệ thông tin và công tác thống kê giáo dục đảm bảo cân đối, phù hợp để các đồng chí có đầy đủ điều kiện và thời gian để thực hiện tốt triển khai nhiệm cụ.

2.2.5. Tự đánh giá: **Đạt**

Tiêu chí 2.3. Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường

- Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường

- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường

- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)

- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử

- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV

- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất

- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh

- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán

- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)

2.3.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường ban hành Quy chế quản lý, sử dụng hồ sơ điện tử từ năm học 2025-2026 kèm theo Quyết định số QĐ số 56/QĐ-TrTH ngày 15/11/2025. Quy chế quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của tập thể cá nhân trong công tác sử dụng và quản lý hồ sơ điện tử **[2.3.01]**.

Nhà trường sử dụng hệ thống phần mềm quản lý trường học https://qlth.quangninh.edu.vn/, https://csdl.moet.gov.vn/ triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập) **[2.3.02]**, thực hiện sổ điểm điện tử, học bạ điện tử **[2.3.03]**.

Thực hiện Quyết định số 3016/QĐ-BGDĐT ngày 31/10/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn hóa định dạng dữ liệu Học bạ; Thực hiện Công văn 413/SGDĐT-GDPT ngày 02/02/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện Học bạ số đối với Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên từ năm học 2025-2026, Trường Tiểu học Hồng Gai xây dựng kế hoạch triển khai học bạ số năm học 2025-2026 **[2.3.04]**. Nhà trường ban hành Quyết định số QĐ số 56/QĐ-TrTH ngày 15/11/2025 quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của tập thể cá nhân trong công tác sử dụng và quản lý hồ sơ điện tử **[2.3.01]**.

Nhà trường có triển khai quản lý đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trên phần mềm SMAS và quản lý viên chức trên phần mềm https://ccvc.quangninh.gov.vn đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhân sự của nhà trường **[2.3.05]**.

Nhà trường triển khai quản lý tài sản cơ sở vật chất trên phần mềm https://qltsapp.misa.vn **[2.3.07]**

Nhà trường triển khai phần mềm quản lý trường học SMAS và https://csdl.moet.gov.vn/ có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh **[2.3.06]**

Nhà trường sử dụng phần mềm Misa phân hệ quản lý kế toán **[2.3.07]**.

Phần mềm quản lý nhà trường có kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục https://csdl.moet.gov.vn/ do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý **[2.3.08]**.

2.3.2. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai các phần mềm trong công tác quản lý, quản trị các hoạt động giáo dục nhà trường, đã ban hành các văn bản về quản lý và sử dụng hồ sơ điện tử đảm bảo theo quy định.

Việc duy trì và sử dụng phần mềm quản lý trường học trong nhà trường được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định pháp luật đảm bảo các quy định về an

toàn, an ninh mạng.

2.3.3. Điểm yếu

Việc cập nhật các thông tin lên phần mềm quản lý viên chức và phần mềm Misa của một số giáo viên, nhân viên chưa đúng tiến độ, chưa đầy đủ nội dung theo yêu cầu.

2.3.4. Kế hoạch cải tiến

Năm học 2026-2027, nhà trường tăng cường công tác kiểm tra cập nhật thông tin lên các phần mềm của cán bộ, giáo viên, nhân viên, đưa vào tiêu chí thi đua, khen thưởng.

2.3.5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm số tối đa	Tự đánh giá
- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường. (Tối đa 8 điểm).	8	8
- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập). (Tối đa 8 điểm).	8	8
- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử. Tối đa 10 điểm. Nếu chỉ cung cấp thông tin file PDF(tối đa 3 điểm); Áp dụng chứng thư số (tối đa 10 điểm) (cho phép dùng chứng thư số trong việc xác thực, ký trực tiếp trên phần mềm quản lý, xác thực được thông tin chữ ký, chứng thư số trên hồ sơ điện tử).	10	9
- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV. (Tối đa 8 điểm).	8	8
- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất. (Tối đa 10 điểm).	10	8
- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh. (Tối đa 10 điểm).	10	10
- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán. (Tối đa 8 điểm).	8	8
- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý). (Tối đa 8 điểm).	8	8
Tổng điểm: 67 Đạt: Mức độ 3		

Tiêu chí 2.4: Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến

2.4.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng Zalo. Mỗi lớp lập 01 nhóm zalo triển khai kết nối giữa nhà trường và gia đình. Ngoài ra, giáo viên chủ nhiệm sử dụng phần mềm Beeclass kết nối với cha mẹ học sinh để gia đình học sinh nắm được nhận xét của giáo viên về học sinh hàng ngày **[2.4.01]**. Ngoài ra, nhà trường đã khai thác hiệu quả Fanpage làm kênh thông tin chính thức, góp phần tăng cường sự kết nối giữa gia đình và nhà trường. Các hoạt động giáo dục, phong trào, sự kiện và thông báo quan trọng đều được cập nhật thường xuyên, kịp thời trên Fanpage, website của nhà trường giúp phụ huynh dễ dàng theo dõi, nắm bắt thông tin **[2.4.02]**. Đồng thời, những nội dung tiêu biểu được chọn lọc và đăng tải trên Mini App Hồng Gai của phường, góp phần lan tỏa hình ảnh nhà trường và nâng cao hiệu quả công tác truyền thông giáo dục. 100% gia đình học sinh của nhà trường có sử dụng ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường. 100% phụ huynh học sinh hài lòng với việc kết nối giữa nhà trường với phụ huynh học sinh qua ứng dụng Zalo và Beeclass, Fanpage...

Nhà trường đã triển khai dịch vụ tuyển sinh lớp 1 trực tuyến. Phụ huynh nộp hồ sơ tuyển sinh trực tuyến tại trang https://quangninh.tsdc.edu.vn/ **[2.4.03].**

Nhà trường triển khai dịch vụ thu phí các khoản thu theo theo hình thức không dùng tiền mặt đối với 100% học sinh thông qua ngân hàng Vietinbank **[2.4.04]; [2.4.05]**.

2.4.2. Điểm mạnh

Nhà trường triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến, sử dụng hiệu quả ứng dụng kết nối nhà trường - gia đình và dịch vụ thu phí không dùng tiền mặt.

Kết nối trực tuyến giúp giáo viên cập nhật, trao đổi tình hình học tập một cách chủ động, nhanh gọn đảm bảo tính giáo dục đồng bộ giữa gia đình và nhà trường, giúp cho cha mẹ học sinh không mất thời gian và công sức cho việc đến trường nộp hồ sơ hoặc nộp tiền, tạo điều kiện tốt nhất để giáo viên tập trung vào công tác quản lí, giáo dục học sinh.

2.4.3. Điểm yếu

Khó khăn trong việc lưu trữ và quản lý một cách an toàn và bảo mật các thông tin trên nhóm zalo. Một số phụ huynh chưa cập nhật thông tin một cách kịp thời.

2.4.4. Kế hoạch cải tiến

Năm học 2026-2027, nhà trường tiếp tục tuyên truyền cho cha mẹ học sinh hiểu rõ việc sử dụng công nghệ và các dịch vụ trực tuyến. Tổ chức thu thập ý kiến, phản hồi từ cha mẹ học và học sinh để nhà trường không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ và giải quyết vấn đề nhanh chóng.

Nhà trường tiếp tục triển khai giải pháp chuẩn OTT hỗ trợ các liên lạc trực tuyến gia đình - nhà trường có tính bảo mật và phù hợp công tác hành chính, quản lí hồ sơ.

2.4.5. Tự đánh giá

Chỉ số	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng web.	8	7
- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến.	12	10
- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.	10	10
Tổng điểm: 27 Đạt: Mức độ 3		

*** Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục**

Nhà trường đã thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, triển khai kịp thời và đầy đủ các văn bản chỉ đạo.

Nhà trường ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số với nội dung đầy đủ phù hợp cho tổ chức triển khai thực hiện tại nhà trường.

Nhà trường đã triển khai các phần mềm trong công tác quản lý, quản trị các hoạt động giáo dục nhà trường, đã ban hành các văn bản về quản lý và sử dụng hồ sơ điện tử đảm bảo theo quy định. Triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến, sử dụng hiệu quả ứng dụng kết nối nhà trường - gia đình và dịch vụ thu phí không dùng tiền mặt.

Chuyển đổi số trong thời đại ngày nay thực sự là một quy luật tất yếu góp phần trong việc quản lý nhà trường và góp phần đổi mới trong giáo dục hướng tới phát triển toàn diện cho học sinh.

Đánh giá chung: Đạt mức độ 3 (94/100 điểm)

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Kết quả Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số

+ Số tiêu chí đạt (trong các Tiêu chí 1.1; 1.2; 2.1; 2.2): 04 (100%)

+ Số tiêu chí chưa đạt (trong các Tiêu chí 1.1; 1.2; 2.1; 2.2): 0 (0%)

+ Số tiêu chí Mức độ 1: 7/7 (100%)

+ Số tiêu chí Mức độ 2: 7/7 (100%)

+ Số tiêu chí Mức độ 3: 7/7 (100%)

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức đáp ứng tốt - Mức độ 3.

- Cơ sở giáo dục đề nghị đạt mức độ chuyển đổi số: Mức đáp ứng tốt - Mức độ 3.

Hồng Gai, ngày 22 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG HỒNG GAI T. QUẢNG NINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒNG GAI

Nguyễn Thị Hương

UBND PHƯỜNG HỒNG GAI
TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒNG GAI

Phần IV. PHỤ LỤC

BẢNG MÃ HÓA MINH CHỨNG CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2025-2026

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành, thời điểm khảo sát, điều tra phỏng vấn	Nơi ban hành hoặc cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1: Chuyển đổi số trong dạy, học	**1**		**Chuyển đổi số trong dạy, học**			
	1.1.	[1.1.01]	Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2025-2026	Số 188/KH-TrTH ngày 10/11/2025	Trường Tiểu học Hồng Gai	Điều kiện bắt buộc
		[1.1.02]	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026.	Kế hoạch số 199/KH-TrTH ngày 15/11/2025	Trường Tiểu học Hồng Gai	
		[1.1.03]	Kế hoạch chuyển đổi số toàn diện năm 2026.	Kế hoạch số 18/KH-TrTH ngày 12/01/2026	Trường Tiểu học Hồng Gai	
	1.2.	[1.2.01]	Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2025-2026	Quyết định sô 55/QĐ-TrTH ngày 13/11/2025 ban hành Quy chế	Trường Tiểu học Hồng Gai	Điều kiện bắt buộc
	1.3	[1.3.01]	Hợp đồng OLM			
		[1.3.02]	Danh sách tên các phần mềm dạy học trực tuyến			
		[1.3.03]	Danh sách tài khoản GV dạy học trực tuyến			

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành, thời điểm khảo sát, điều tra phỏng vấn	Nơi ban hành hoặc cá nhân thực hiện	Ghi chú
		[1.3.04]	Minh chứng giáo viên giao bài cho học sinh tự học trực tuyến			
		[1.3.05]	Kết quả kiểm tra đánh giá thường xuyên trên OLM			
		[1.3.06]	GV giải đáp các câu hỏi của học sinh			
		[1.3.07]	PHHS tham gia vào học tập của học sinh			
Tiêu chuẩn 1: Chuyển đổi số trong dạy, học	1.4.	[1.4.01]	Đường link học liệu điện tử GV xây dựng năm học 2025-2026			
		[1.4.02]	Quyết định phê duyệt học liệu trực tuyến của Hiệu trưởng			
		[1.4.03]	Đường link kho học liệu điện tửu các năm tại Website			
	1.5.	[1.5.01]	Ảnh chụp phòng Tin học			
		[1.5.02]	Kế hoạch kiểm tra định kì (có nội dung kiểm tra tại phòng tin học)		Trường Tiểu học Hông Gai	
		[1.5.03]	Hình ảnh hocj sinh tham gia kiểm tra cuối kỳ trên OLM			

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành, thời điểm khảo sát, điều tra phỏng vấn	Nơi ban hành hoặc cá nhân thực hiện	Ghi chú
		[1.5.04]	Danh sách tên các phần mềm tổ chức kiểm tra			
		[1.5.05]	Kế hoạch thi IOE. Vioedu năm học 2025 -2026;	*Số: 180/KH- Tr.TH ngày 29/03/2026; số 128/KH-TrTH ngày 3/3/2026*	Trường Tiểu học Hông Gai	
	1.6.	[1.6.01]	Danh sách giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến https://taphuanquangninh.lms.vnedu.vn/			
	1.7.	[1.7.01]	Biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản công (có phòng học thông minh)			
		[1.7.02]	Hình ảnh phòng học thông minh			
		[1.7.03]	Quyết định về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng thiết bị giáo dục trong nhà trường	*QĐ số 135/QĐ-TrTH ngày 31/12/2025*		
		[1.7.04]	Hoá đơn sử dụng dịch vụ (Internet)			
		[1.7.07]	Hình ảnh phòng studio			
			Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026.	*Kế hoạch số 199/KH-TrTH ngày 15/11/2025*	*[1.1.02]*	
			Kế hoạch chuyển đổi số toàn diện năm 2026.	*Kế hoạch số 18/KH-TrTH ngày 12/01/2026*	*[1.1.03]*	

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành, thời điểm khảo sát, điều tra phỏng vấn	Nơi ban hành hoặc cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chuẩn 2: Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	**2**		**Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục**			
	2.1.	[2.1.01]	Quyết định thành lập Thành lập Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT, chuyển đổi số năm học 2025-2026 (có thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)	*Số 51/QĐ-Tr.TH ngày 13/11/2025*	Điều kiện bắt buộc	[2.1.01]
	2.2.		*Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026. (có nội dung về an ninh mạng)*			*[1.1.02]*
Tiêu chuẩn 2: Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	2.3	[2.3.01]	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng hồ sơ điện tử trên Hệ thống quản lí nhà trường - SMAS và Hệ thống quản lý hồ sơ sổ sách giáo dục – eDoc .	*QĐ số 56/QĐ-TrTH ngày 15/11/2025*		
		[2.3.02]	Phần mềm triển khai phân hệ quản lý học sinh và phần mềm kết nối cơ sở dữ liệu ngành (do Bộ quản lý)			
		[2.3.03]	Phần mềm triển khai số điểm điện tử, học bạ điện tử			
		[2.3.04]	Kế hoạch học bạ số	*Kế hoạch số 96/KH-TrTH ngày 06/2/2026*		
		[2.3.05]	Phần mềm triển khai phân hệ quản lý CB, GV, NV			
		[2.3.06]	Phần mềm triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế sức khỏe học sinh			

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày ban hành, thời điểm khảo sát, điều tra phỏng vấn	Nơi ban hành hoặc cá nhân thực hiện	Ghi chú
		[2.3.07]	Phần mềm kế toán MISA có triển khai phân hệ quản lý, tài sản tài chính			
		[2.3.08]	Phần mềm kết nói có sở dữ liệu ngành			
Tiêu chuẩn 2: Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	2.4	[2.4.01]	Phần mềm triển khai kết nối giữa GVCN và CMHS Zalo, Beeclass			
		[2.4.02]	Fanpage nhà trường			
		[2.4.03]	Kế hoạch tuyển sinh lớp 1 năm học 2026-2027	*Số 278/KH-Tr.TH ngày 15/5/2026*	Trường Tiểu học Hông Gai	
		[2.4.04]	Kế hoạch thanh toán không dùng tiền mặt 2026	*Số 336/KH-Tr.TH ngày 31/12/2025*	Trường Tiểu học Hông Gai	
		[2.4.05]	Báo cáo thanh toán không dùng tiền mặt 2025	*Số 01/BC-Tr.TH ngày 24/10/2025*	Trường Tiểu học Hông Gai	